

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH

Số :2323 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/10.000)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị”;

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 07/02/2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kì đầu (2011 - 2015) tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử Nhà Trần ở Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050”;

Căn cứ Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt quy hoạch môi trường tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

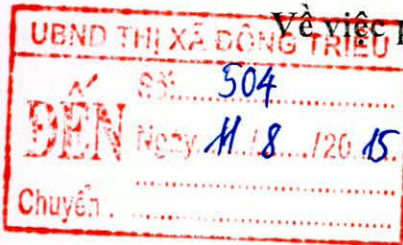
Căn cứ Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 891/NQ-UBTVQH13 ngày 11/3/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “V/v thành lập thị xã Đông Triều và 06 phường thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Văn bản số 1215/BXD-QHKT ngày 04/6/2015 của Bộ Xây dựng “V/v góp ý Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030”;



Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1766/SXD-QH ngày 30/7/2015 và Tờ trình số 108/TTr-SXD ngày 17/4/2015; đề nghị của UBND thị xã Đông Triều tại Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 16/7/2015 và Báo cáo số 159/BC-UBND ngày 28/7/2015.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/10.000) với các nội dung chính như sau:

### **1. Phạm vi, ranh giới và thời hạn nghiên cứu:**

#### **1.1. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch trực tiếp theo ranh giới hành chính thị xã Đông Triều gồm 21 đơn vị hành chính (gồm 6 phường và 15 xã) với diện tích tự nhiên khoảng 397,2km<sup>2</sup>

- Phạm vi nghiên cứu gián tiếp gồm các khu vực lân cận xung quanh thị xã Đông Triều: Các huyện Sơn Động, Lục Nam và khu vực di tích văn hóa phía Tây Yên Tử - Bắc Giang; thị xã Chí Linh và huyện Kinh Môn - Hải Dương; thành phố Uông Bí - Quảng Ninh; huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng.

1.2. Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Sơn Động và huyện Lục Nam - tỉnh Bắc Giang; phía Tây giáp thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương; phía Đông giáp thành phố Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh; phía Nam giáp huyện Thủy Nguyên - thành phố Hải Phòng và huyện Kinh Môn - tỉnh Hải Dương.

1.3. Thời hạn quy hoạch: Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2020, dài hạn đến năm 2030, tầm nhìn chiến lược đến năm 2050.

### **2. Tính chất:**

- Là đô thị trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, là cửa ngõ kết nối tỉnh Quảng Ninh với vùng thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng duyên hải Bắc Bộ.

- Là một trong những trung tâm văn hoá tâm linh, công nghiệp khai khoáng, sản xuất điện năng và vật liệu xây dựng của tỉnh Quảng Ninh, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Quốc gia. Trong đó phát triển hài hòa công nghiệp khai thác than, vật liệu xây dựng, điện ...; phát triển du lịch dịch vụ gắn với việc bảo tồn, phát huy các giá trị khu di tích lịch sử, văn hóa nhà Trần tại Đông Triều;

- Là một trong những trung tâm sản xuất các sản phẩm nông nghiệp theo hướng hiện đại, trung tâm giáo dục đào tạo, du lịch sinh thái, làng nghề của tỉnh Quảng Ninh và vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Là khu vực phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trở thành trọng điểm, sản xuất, chế biến nông nghiệp lớn của tỉnh.

### **3. Mục tiêu**

- Nhằm cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của

tỉnh Quảng Ninh; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều; thống nhất với định hướng trong Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050 đã được phê duyệt.

- Xây dựng, phát triển thị xã Đông Triều đảm bảo các tiêu chí là đô thị đô thị loại III vào năm 2020, tương xứng với đô thị loại II vào năm 2030 trong tiểu vùng phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, là khu vực cửa ngõ của tỉnh Quảng Ninh với vùng thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng duyên hải Bắc Bộ; phát triển công nghiệp khai thác than, công nghiệp điện, sản xuất vật liệu xây dựng bền vững, hài hòa với phát triển nông nghiệp và du lịch văn hóa- lịch sử - tâm linh gắn với các khu di tích Yên Tử - Nhà Trần - Bạch Đằng

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, triển khai các chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

#### **4. Quy mô dân số và đất đai:**

##### **4.1. Dự báo quy mô dân số:**

- Dân số toàn thị xã là 173.141 người, trong đó dân số nội thị (bao gồm 6 phường: Đông Triều, Đức Chính, Hưng Đạo, Kim Sơn, Mạo Khê, Xuân Sơn) là 75.159 người, chiếm 43,4% dân số toàn thị xã; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,11%; tỷ lệ tăng cơ học là 0,03%.

- Trên cơ sở hiện trạng, tiềm năng, động lực phát triển; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều, dự báo:

+ Đến năm 2020: Dân số toàn đô thị khoảng 196.000 người; dân số khu vực nội thị khoảng 110.000 người.

+ Đến năm 2030: Dân số toàn đô thị khoảng 220.000 người; dân số khu vực nội thị khoảng 140.000 người.

##### **4.2. Dự báo quy mô đất đai:**

- Tổng diện tích toàn thị xã là 39.721,55 ha, trong đó tổng diện tích đô thị thuộc phường Đông Triều, Mạo Khê, Đức Chính, Hưng Đạo, Xuân Sơn, Kim Sơn là 5.125,56 ha (chiếm 12,9%), diện tích đất tự nhiên và nông thôn 34.595,99ha (chiếm 87,1%).

- Đất xây dựng đô thị hiện trạng 1.789ha (khu vực được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV); bình quân 220m<sup>2</sup>/người (trong đó đất dân dụng 958,68 ha, bình quân 128,8 m<sup>2</sup>/người)

- Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị:

+ Đến năm 2020: Diện tích khoảng 2.300 ha, bình quân 210 m<sup>2</sup>/người.

+ Đến năm 2030: Diện tích khoảng 2.700 ha, bình quân 190 m<sup>2</sup>/người.

- Dự báo các khu chức năng chính theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh:

Đất xây dựng phát triển đô thị mới đến năm 2020 là 720 ha, đến năm 2030 là 770ha; đất xây dựng phát triển công nghiệp đến năm 2020 là 200ha, đến năm 2030 là 495ha; đất xây dựng phát triển văn phòng thương mại đến năm 2020 là 15ha, đến năm 2030 là 30 ha.

4.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính: Được xác định trên nguyên tắc đáp ứng các chỉ tiêu của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam; dự báo tính toán cho đô thị loại III vào năm 2020, đô thị loại II vào năm 2030; đồng thời dựa trên quan điểm phát triển khu vực được xác định trong các quy hoạch chiến lược:

| Stt | Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật  | Đơn vị tính           | Dự báo   |
|-----|---|-----------------------|--|
| I   | Sử dụng đất   |                       |  |
| 1   | Đất dân dụng  | m <sup>2</sup> /người | 80 ÷ 100   |
| 2   | Đất công trình công cộng  |                       |  |
| -   | Dịch vụ công cộng đô thị  | m <sup>2</sup> /người | 4 ÷ 6  |
| -   | Công cộng cấp khu ở   | m <sup>2</sup> /người | 1,5 ÷ 3  |
| 3   | Đất cây xanh  |                       |  |
| -   | Cây xanh đô thị   | m <sup>2</sup> /người | 7 ÷ 10   |
| -   | Cây xanh công cộng khu vực đô thị   | m <sup>2</sup> /người | 4 ÷ 6  |
| 4   | Đất giao thông  | m <sup>2</sup> /người | 10 ÷ 15  |
| 5   | Đất ngoài dân dụng, đất khác: Khu sản xuất công nghiệp, nông nghiệp; Khu du lịch, khu sinh thái; Khu bảo tồn; khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng; Khu nghiên cứu, đào tạo, thể dục thể thao; Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật ... |                       | Dự báo, tính toán cụ thể theo yêu cầu, định hướng phát triển và các tiêu chuẩn |
| II  | Hạ tầng kỹ thuật  |                       |  |
| 1   | Giao thông (Tỷ lệ đất giao thông/đất xây dựng đô thị)   | %                     | ≥20  |
| 2   | Cấp nước  |                       |  |
| -   | Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt   | lít/người.ngđ         | 110 ÷ 120  |
| -   | Tỷ lệ được cấp nước   |                       | ≥ 85   |
| 3   | Cấp điện  | kW/người              | 700 ÷ 850  |
| 4   | Thông tin liên lạc  | máy/100 dân           | 20 ÷ 30  |
| 5   | Thu gom, xử lý nước thải  |                       |  |
| -   | Nước thải sinh hoạt   | %                     | ≥ 60   |
| -   | Nước thải các cơ sở sản xuất mới  | %                     | 80 ÷ 100   |
| 6   | Thu gom, xử lý chất thải  |                       |  |
| -   | Chất thải rắn sinh hoạt   | Kg/người-ngày         | 0,8 ÷ 1,0  |
| -   | Tỷ lệ thu gom xử lý   | %                     | 80 ÷ 100   |

## 5. Định hướng phát triển không gian đô thị, các khu chức năng:

### 5.1. Định hướng phát triển không gian:

- Xây dựng tập trung, hình thành, kết nối 06 phường thành một trung tâm đô thị xứng tầm là cửa ngõ phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, gắn xây dựng

đô thị với xây dựng nông thôn mới. Tổ chức không gian toàn thị xã được phân thành 3 khu vực chính dựa theo tiềm năng và lợi thế sẵn có:

+ Khu vực phía Bắc: Dành cho phát triển nông, lâm nghiệp, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch văn hoá tâm linh; vùng bảo vệ di tích lịch sử, cảnh mạng, cảnh quan thiên nhiên và hệ thống các di tích nhà Trần.

+ Khu vực Trung tâm: Duy trì phát triển công nghiệp, đẩy mạnh phát triển dịch vụ và đô thị.

+ Khu vực phía Nam giáp sông Kinh Thầy, sông Đá Bạc: Phát triển công nghiệp, kết hợp với dân cư đô thị; xây dựng bến bãi, cảng sông kết hợp với hệ thống giao thông thủy; duy trì phát triển nông nghiệp.

- Khu vực không gian đô thị của Đông Triều dự kiến xây dựng, phát triển với quy mô 06 phường (Mạo Khê, Đông Triều, Kim Sơn, Xuân Sơn, Hung Đạo, Đức Chính) mới được thành lập; giai đoạn sau dự kiến xây dựng xã Hồng Phong, xã Yên Thọ thành phường và tách thị trấn Mạo Khê thành 4 phường; giai đoạn 2016-2020 xây dựng các xã Hồng Thái Đông, Hoàng Quế, Bình Dương, Thủy An, Việt Dân, Tràng An, Bình Khê hình thành phường để tiến tới xây dựng Đông Triều đạt tiêu chuẩn đô thị loại III vào năm 2020.

- Tập trung phát triển, mở rộng không gian đô thị lên phía Bắc, kết nối không gian đô thị giữa phía Nam và phía Bắc bằng tuyến đường Trung tâm thị xã; huy động quỹ đất hai bên tuyến đường phục vụ phát triển, mở rộng không gian đô thị.

- Khu vực ngoại thị từng bước đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đầu tư xây dựng, phát triển trung tâm các cụm xã thành các thị tứ dịch vụ hỗ trợ phục vụ cho khu vực.

- Khu vực phát triển du lịch sinh thái, du lịch tâm linh trên cơ sở gắn kết với khu di tích Nhà Trần, cảnh quan tự nhiên (các hồ nước, đồi núi tại khu vực phía Bắc của thị xã) tại khu vực phía Bắc của thị xã Đông Triều.

## 5.2. Định hướng các khu chức năng:

### a) Du lịch, dịch vụ:

- Xây dựng các khu dịch vụ, thương mại tại các khu vực: Cửa ngõ phía Tây của thị xã, trên địa bàn Bình Dương; phía Bắc đường tránh phường Đông Triều, trên địa bàn Đức Chính và Hồng Phong; khu vực phía Tây đường vào Đền Sinh, trên địa bàn xã Tân Việt - Đức Chính.

- Hệ thống du lịch: Xây dựng các khu du lịch sinh thái, tâm linh trên cơ sở gắn kết với khu vực di tích (hệ thống lăng tẩm, các di tích lịch sử cách mạng), cảnh quan tự nhiên (các hồ nước, đồi núi tại khu vực phía Bắc của thị xã); dự kiến có cụm du lịch lớn phát triển du lịch tâm linh gắn với khu di tích Nhà Trần, phát triển du lịch sinh thái gắn với cảnh quan tự nhiên của các hồ nước và cảnh quan địa hình đồi núi (hồ Khe Chè, hồ Trại Lốc, hồ Đồng Đò và hồ Bến Châu), phát triển du lịch sinh thái, đồng quê và thăm quan di tích lịch sử cách mạng gắn với Cụm di tích Yên Đức, Vườn Thượng uyển.

- Thu hút đầu tư xây dựng sân golf và khu du lịch vui chơi giải trí, nghỉ

đường cao cấp tại khu vực Khe Chè xã An Sinh

b) Công nghiệp

- Khu công nghiệp: Khu công nghiệp và đô thị Quán Triều nghiên cứu dịch chuyển về khu vực xã Hồng Thái Đông.

- Cụm công nghiệp: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sen, xã Kim Sơn không phát triển mở rộng.

- Định hướng phát triển các cụm cơ sở sản xuất: Phát triển cụm các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng tại khu vực xã Trảng An trên cơ sở các nhà máy sản xuất hiện có khu vực xã Trảng An; Phát triển cụm các cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến nông, lâm sản tại khu vực giáp đường Tỉnh lộ 345 đi Bắc Giang, xã An Sinh; Phát triển các cơ sở công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến tại khu vực sát đường 186, xã Bình Khê để thay thế.

- Nghiên cứu di chuyển toàn bộ các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi khu vực nội thị.

c) Các khu đô thị, khu dân cư

- Định hướng hoàn thiện, nâng cấp các khu đô thị trung tâm hiện hữu; xây dựng mới các khu đô thị tại khu vực phía Nam phường Đông Triều; phát triển tổ hợp sân golf và khu nghỉ dưỡng khu vực hồ Khe Chè; xây dựng các khu đô thị trên núi gắn với tuyến đường trung tâm thị xã.

- Chính trang cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư hiện trạng, đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân đô thị.

- Tiếp tục xây dựng các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, các khu nhà ở tái định cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và xã hội.

d) Hệ thống trung tâm hành chính

- Xây dựng Trung tâm hành chính thị xã Đông Triều tại khu vực Đức Chính phía Bắc đường tránh phường Đông Triều.

- Xây dựng, hoàn thiện trung tâm hành chính trên cơ sở trung tâm hành chính hiện có của các thị trấn, các xã hoặc quy hoạch mới đảm bảo quy mô sử dụng.

e) Các khu chức năng xây dựng khác:

Các khu chuyên canh, sản xuất nông lâm nghiệp thủy hải sản; ngành nghề truyền thống, du lịch; an ninh - quốc phòng; đồi rừng, sông suối, mặt nước chuyên dụng; các khu vực cấm, hạn chế phát triển; đầu mối hạ tầng kỹ thuật, giao thông, nghĩa trang, nghĩa địa, bãi xử lý chất thải ...

**6. Các yêu cầu nghiên cứu quy hoạch:**

6.1. Các yêu cầu chung: Thực hiện đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 16 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

6.2. Yêu cầu về định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Giao thông:

- Định hướng xây dựng hệ thống giao thông đa dạng, phù hợp với tính

chất, đặc điểm hiện trạng và qui mô phát triển của đô thị loại II.

- Dự báo nhu cầu vận tải đô thị, xác định cơ cấu phương tiện; giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không.

- Phân loại, phân cấp và tổ chức mạng lưới giao thông đối ngoại. Mở rộng và nâng cấp các tuyến quốc lộ chính, nâng cấp mạng lưới giao thông nội thị bao gồm đường bộ, đường sắt, đường sắt đô thị. Chú trọng phát triển mạng lưới giao thông đường thủy và đường hàng không đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, khách du lịch...

- Xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông: Ga đường sắt, hệ thống cảng biển, cảng sông, bến ô tô khách liên tỉnh, các bãi, điểm đỗ xe công cộng, các nút giao thông, hệ thống cầu vượt, hầm đường bộ và hầm cho người đi bộ, cầu qua sông... Cần tập trung phát triển hệ thống giao thông tĩnh, hiện đang rất thiếu trong toàn huyện.

- Xác định mặt cắt ngang các loại đường cải tạo, xây dựng mới.

- Xác định hệ thống chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

- Tổ chức giao thông công cộng bao gồm: Lựa chọn phương thức vận tải hành khách công cộng, phân loại các tuyến vận tải hành khách công cộng, xác định lộ trình các tuyến (bao gồm xác định điểm đầu, điểm cuối, điểm trung chuyển).

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Đánh giá tổng hợp đất đai, xác định vị trí, diện tích, tỷ lệ các loại đất thuận lợi, ít thuận lợi và không thuận lợi cho xây dựng

- Xác định cao độ khống chế xây dựng cho đô thị, từng khu vực và các trục chính đô thị. Nêu giải pháp san nền cho từng khu vực xây dựng mới, cải tạo chỉnh trang, bảo tồn...

- Xác định cao độ nền quy hoạch đảm bảo các khu vực đã xây dựng trong giữ nguyên địa hình, chỉ cải tạo cục bộ, hạn chế san phá đồi núi để đảm bảo giữ được cảnh quan thiên nhiên.

- Xác định sơ bộ khối lượng đào, đắp của khu vực đào hoặc đắp.

- Đề xuất phương án thoát nước mưa, phân chia lưu vực thoát nước chính, hướng thoát, vị trí miệng xả, kích thước ống chính. Xác định hành lang bảo vệ cho các trục tiêu thoát nước chính.

- Đề xuất các giải pháp phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu: Ngập úng, sạt lở, nước triều dâng ...

c) Cấp nước:

- Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế trên cơ sở tính chất và quy mô của đô thị.

- Dự báo nhu cầu dùng nước: Tính toán nhu cầu dùng nước theo tiêu chuẩn thiết kế và quy mô dân số của thị xã.

- Đánh giá và lựa chọn nguồn nước: Trên cơ sở phân tích nguồn nước

(nước mặt, nước ngầm) về trữ lượng cũng như chất lượng để đưa ra sự lựa chọn hợp lý về nguồn nhằm khai thác triệt để và có hiệu quả nhất.

- Nghiên cứu tính toán nhu cầu sử dụng nước để đưa ra được kế hoạch sử dụng, khai thác nguồn nước cho từng khu vực cấp nước khác nhau với từng giai đoạn khác nhau.

- Nghiên cứu đưa ra các phương án cấp nước: Dựa vào tính chất và đặc điểm mà phân chia các vùng cấp nước khác nhau; mỗi vùng cấp nước đều có giải pháp cấp nước riêng của mình về nguồn, hệ thống các công trình đầu mối (vị trí, quy mô...), hệ thống đường ống vận chuyển, phân phối...

- Lựa chọn công nghệ xử lý nước: Trên cơ sở phân tích đặc điểm của nguồn nước, đặc biệt là về chất lượng, và căn cứ vào quy mô công suất nhà máy để đưa ra được dây chuyền công nghệ phù hợp.

- Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước: Mạng lưới ống vận chuyển và phân phối thiết kế đảm bảo cho việc cấp nước được an toàn, liên tục và hiệu quả nhất.

- Đưa ra các biện pháp bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước: Lập dự án cụ thể bảo vệ nguồn nước; đưa ra các quy định chính cho việc bảo vệ nguồn nước, nhà máy, trạm cấp nước, đường ống. Cần có biện pháp để bảo vệ nguồn nước mặt từ các hồ Khe Chè, hồ Trại lốc, sông Trung Lương...

#### d) Cấp điện:

- Thiết kế xây dựng mạng lưới cấp điện: Gồm lưới cung cấp và phân phối điện từ trung áp trở lên; xây dựng mạng lưới phân phối theo hướng hiện đại, đảm bảo mỹ quan đô thị, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng, nhu cầu sử dụng điện chiếu sáng theo các nhóm công trình: Chiếu sáng công trình giao thông; chiếu sáng công trình công cộng và chiếu sáng quảng cáo, lễ hội....

- Đề xuất các giải pháp cụ thể về nguồn cấp, lưới điện, nguồn sáng cũng như các giải pháp cụ thể về chiếu sáng cho các khu chức năng của đô thị, cho các nhóm công trình trên.

#### e) Thông tin liên lạc, bưu chính - viễn thông:

- Định hướng xây dựng phát triển hệ thống thông tin liên lạc và viễn thông phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế xã hội; xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế theo hướng hiện đại.

#### f) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Xác định nguồn tiếp nhận nước thải, kênh tiêu thoát nước chính của đô thị, phân lưu vực thoát nước.

- Lựa chọn và thiết kế mạng lưới thoát nước thải; xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt tại khu vực trung tâm; xác định vị trí và quy mô các trạm bơm, trạm xử lý nước thải.

- Xác định chỉ tiêu nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang; tiêu chuẩn tính toán thu gom và xử lý nước thải lấy theo tiêu chuẩn cấp nước tương ứng



với từng đối tượng.

- Dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang.

- Nghiên cứu đưa ra các giải pháp về thu gom, vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải và đề xuất công nghệ xử lý chất thải rắn. Cần nghiên cứu và có đánh giá về khu xử lý chất thải rắn Trảng Lơng (được định hướng trong quy hoạch vùng).

- Đưa ra các giải pháp xử lý chất thải rắn: Cần tổ chức hệ thống thu gom rác hợp lý để không ảnh hưởng đến môi trường; bố trí và xác định quy mô công suất để xây dựng các khu xử lý chất thải rắn áp dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng để hạn chế chôn lấp.

- Xác định vị trí, quy mô, ranh giới các khu nghĩa trang, nhà tang lễ và công nghệ xử lý.

g) Tổng hợp hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Nguyên tắc bố trí, sắp xếp, vị trí tuyến hào, tuynel kỹ thuật, đường dây, đường ống và các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt trên các đường phố chính quy hoạch xây dựng mới.

- Quy định khoảng cách đứng, khoảng cách ngang giữa các tuyến với các công trình liên quan.

6.3. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng đợt đầu (quy hoạch giai đoạn 5 năm):

- Quy hoạch sử dụng đất đai, phân khu chức năng và xác định địa điểm xây dựng các công trình chủ yếu bao gồm: khu dân dụng gồm các đơn vị ở, dịch vụ, cây xanh, TĐTT, khu công nghiệp, kho tàng; khu quân sự; khu khác. Các khu trung tâm chuyên ngành, các khu bảo tồn, du lịch. Các công trình kỹ thuật chủ yếu và vệ sinh môi trường.

- Chương trình hóa các mục tiêu cải tạo và xây dựng đô thị, trong đó xác định các dự án đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về các lĩnh vực: Nhà ở, dịch vụ, cây xanh, thể dục thể thao, các cơ sở y tế, đào tạo, cơ quan chuyên ngành, giao thông, chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng đô thị, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang, đầu tư cải tạo phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh đô thị, công nghiệp, thương nghiệp, du lịch, dịch vụ...

6.4. Yêu cầu về thiết kế đô thị: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng

6.5. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược: Thực hiện đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 15, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

6.6. Yêu cầu về quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Thực hiện đảm bảo các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 35, Luật Quy hoạch đô thị 2009; Đề cương quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

6.7. Trong quá trình lập quy hoạch, đề nghị UBND thị xã Đông Triều, Đơn vị tư vấn tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các nội dung sau:

- Kế thừa có chọn lọc các nội dung của đồ án quy hoạch chung giai đoạn trước; cập nhật số liệu phù hợp với thời điểm lập quy hoạch, các số liệu và định hướng trong Đề án thành lập thị xã Đông Triều.

- Cập nhật các định hướng trong Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, các quy hoạch chiến lược của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành và lĩnh vực có liên quan.

- Tiếp thu các ý kiến tham gia của các Sở, ngành về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; chủ động lấy, tiếp thu ý kiến các Sở, ngành, các tổ chức liên quan và nhân dân về nội dung quy hoạch.

- Trình HĐND thị xã Đông Triều thông qua trước khi trình Sở Xây dựng thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch.

**7. Thành phần, nội dung hồ sơ:** Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị.

#### **8. Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND thị xã Đông Triều.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Quảng Ninh.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Thời gian hoàn thành đồ án quy hoạch, trình Sở Xây dựng thẩm định trong tháng 11/2015 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 4317/UBND-QH1 ngày 23/7/2015.

**Điều 2.** Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin Truyền thông, Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Đông Triều; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./

#### *Nơi nhận:*

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 2 (thực hiện);
- V0, V2, QH2, QLĐĐ1, TH1;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, QH1.

20 bản-QĐ130-08

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Long